

TẾT ở hai nước anh em LÀO và CAMPUCHIA

NGÔ ĐỨC THỊNH

1

Đã có nhà nghiên cứu nói: mùa Xuân là tấm gương soi văn hiến Việt Nam. Từ đó, có thể suy thêm: Tết, lễ hội mở đầu mùa Xuân, chính là đỉnh điểm của tấm gương mùa Xuân, là điểm trung tâm của bức tranh văn hiến Việt Nam ấy. Nói cách khác, Tết là bản lĩnh, bản sắc của văn hóa dân tộc, là sức sống dồi dào, là nét độc đáo của tâm hồn Việt Nam, con người Việt Nam ta. Chính vì lẽ đó, bức tranh văn hóa Tết Việt Nam đã được nhiều thế hệ những người nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm tìm hiểu⁽¹⁾.

Khẳng định những điều trên, chúng tôi không tự mâu thuẫn với mình khi nói thêm rằng, nhìn từ góc độ tính thống nhất và đa dạng của văn hóa Đông Nam Á, *Tết Việt Nam tuy rất riêng, nhưng lại cũng rất chung*.

Rất chung, là vì, Tết cũng như nhiều hiện tượng văn hóa khác của các dân tộc trong khu vực, đều hình thành và biến đổi cái *nền thiên nhiên, nền con người* mang nhiều nét tương đồng; là vì suốt trường kỳ lịch sử, các dân tộc trong và ngoài khu vực diễn ra những giao lưu, ảnh hưởng văn hóa sống động, lôi cuốn các dân tộc vào quỹ đạo tiến triển văn hóa chung.

Còn Tết Việt Nam rất riêng cũng là vì, từ cội nguồn chung ấy, từ hòa đồng mạnh mẽ, chứ không phải khép kín, bó hẹp, ông cha đã biết và có ý thức tạo cho mình một bản sắc riêng, một cá tính riêng.

2

Nhiều người nghiên cứu trong và ngoài nước thừa nhận rằng, Đông Nam Á là một khu vực lịch sử - văn hóa hình thành ít nhất từ thời đại đá giữa (cách ngày nay hơn 10 nghìn năm) và tồn tại tới ngày nay. Trong khu vực chung của tiểu khu vực, các miền vùng phạm vi rộng hẹp khác nhau. Trong một số cung trình của mình, chúng tôi cũng

1. Bước đầu lập thư mục nghiên cứu Tết Việt Nam, chúng tôi đã thu lượm trên dưới 500 đầu sách và bài báo bằng nhiều thứ tiếng.

Đã nêu ra những đặc trưng văn hóa chung của khu vực về đời sống vật chất, tinh thần, xã hội, trong đó có lễ hội truyền thống⁽¹⁾.

Thiên nhiên, truyền thống kinh tế lâu đời của các dân tộc Đông Nam Á là *nông nghiệp trồng lúa nước*. Đặc trưng tự nhiên – kinh tế cơ bản này đã quy định, khắc họa nên những nét chính yếu, chủ đạo nhất của tính thống nhất văn hóa khu vực. Lễ hội truyền thống của các dân tộc Đông Nam Á thật vô cùng phong phú, đa dạng. Ở người Lào, Khome, không có tháng nào trong năm lại không có ít nhất một lần lễ hội. Các lễ hội nhiều về số lượng, phong phú về kiểu loại, mang các sắc độ tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau, nhưng nguồn cội và cốt lõi của cả những lễ hội đó đều từ những *lễ hội nông nghiệp*.

Là những người làm nông nghiệp truyền đời, khuôn thời vụ theo mùa mưa nắng nên từ lâu đã hình thành ở họ quan niệm thời gian theo chu kỳ khép kín của nông lịch, mà những lễ hội diễn ra suốt năm là những chặng khắc đánh dấu các bước gieo trồng và thu hoạch, là thời điểm mở và khép của chu trình, mà khoảng giữa chúng là thời gian nông nhàn (theo cách gọi của người Việt) hay tháng lười (theo cách gọi của các dân tộc Tây Nguyên). Những lễ hội và nghi lễ diễn ra vào thời điểm (vào mùa) mang nội dung cầu xin các lực lượng siêu nhiên phù trợ cho mùa màng tươi tốt, các nghi thức cầu mưa, cầu mùa, các hoạt động vui chơi mang tính phồn thực... Còn những nghi lễ, hội hè diễn ra sau mùa thu hoạch nội dung tạ ơn thần linh, tỏ tiên bằng những sản phẩm mùa màng thu hoạch được, các cuộc vui chơi giải trí, thăm viếng gần xa...

Trong hệ thống lễ hội chung như vậy, Tết của Việt Nam cũng như nhiều lễ hội của các dân tộc khác, không ngoài tính chất của Hội Mùa của cư dân nông nghiệp, với những nghi lễ cầu cúng thần linh, tỏ tiên, dâng tạ những sản vật nông nghiệp, các trò vui chơi, giải trí mang tính phồn thực. Đây là chưa kể những nét chung tương đồng còn được thể hiện cụ thể trong các hoạt động văn hóa, như tung còn, chơi đu, chơi phết, đánh vật, kéo co, bơi thuyền, chơi núi... Tuy nhiên, bên cạnh những nét tương đồng, gần gũi này, chúng ta cũng thấy khá rõ sắc thái riêng của Tết Việt Nam với Tết của các dân tộc láng giềng.

3

Những khác biệt của Tết Việt Nam với các loại Tết các dân tộc láng giềng, theo chúng tôi, không phải từ bản chất, nguyên thủy của nó, mà chính là trong tiến trình lịch sử, sự khác biệt mới này sinh. Đã có người nghiên cứu nói tới *lễ hội mùa thu* người Việt Cổ, mà một mảng quan trọng của nó đã được phản ánh trên trống đồng phong đăng. Đây là những lễ hội kết thúc chu trình canh tác nông nghiệp, mừng mùa màng phong đăng. Tuy ít người nhất tới các lễ hội *vào mùa* của người Việt, nhưng chắc chắn đây là những lễ hội quan trọng, mở đầu chu trình canh tác nông nghiệp, mà ở nhiều dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam cũng như các dân tộc ở Đông Nam Á còn giữ lại khá nguyên vẹn. Ở người Việt, những năm nửa đầu thế kỷ này còn tiến

1. Ngô Đức Thịnh : *Đông Dương là khu vực lịch sử - văn hóa, luận văn phó tiến sĩ sử học Mátxcova*, 1980 (chữ Nga); *Các vùng lịch sử - văn hóa và vai trò của nó trong việc xây dựng nền văn hóa Việt Nam*, “Nghiên cứu Nghệ thuật”, số 5, 1984.

là tháng ăn chơi”, hành ác liệt vào mùa, hội xuống đồng hạ điền, Tết mưa đông, Tết mồng năm tháng năm..., mà thực chất đó là những lễ hội vào mùa. Giữa thời điểm mùa và vào mùa ấy là thời kỳ nông nhân, nhàn nhã, người nông dân tổ chức hội hè, tết, cưới, làm nhà, mừng nhà mới. Trong quan niệm sâu xa của nông dân Việt, thì : “tháng một, tháng chạp nên công hoàn toàn, tháng giêng hay là “tháng giêng ăn Tết ở nhà, tháng hai cờ bạc, tháng ba hội hè”, hay còn là “giêng hai ngày rộng tháng dài”...

Có thời kỳ người Việt chúng ta chưa ăn Tết vào thời điểm như hiện nay, mà cũng như nhiều dân tộc trong khu vực, từ mùa thu, qua mùa đông, tới mùa xuân là chuỗi những lễ hội mùa. Có lẽ đó cũng là bộ mặt sinh hoạt hội hè của nông cha ta thời dựng nước của các Vung Hùng. Tôi không cùng quan điểm với một số người nghiên cứu khác khi cho rằng hội Xuân là hiện tượng văn hóa có sau, muộn hơn Thu, cho dù sử cách xử mãi tới thế kỷ XI mới chép tới loại hội này. Cả hệ thống hội mùa xuân của người Việt, mà sau này biến dạng đi với những hội đình, hội chùa, hội đền, hội làng... đều là cái gì rất nguyên cổ, rất tự nhiên, như biết bao những lễ hội mùa xuân của các tộc vùng núi nước ta, cũng như nhiều dân tộc ở các nước láng giềng. Đúng là trong hệ thống lễ hội này của người Việt, những thế kỷ gần đây, có nhiều nét thay đổi, chuyển dịch, tiếp thu ảnh hưởng bên ngoài, nhưng đó chỉ là những yếu tố, chứ không phải là toàn bộ cấu trúc của hệ thống lễ hội.

Có lẽ thời điểm và diện mạo của Tết Việt Nam chỉ có thể định hình kể từ thời Lý – Trần trở đi, và điều đó cũng phù hợp với những ghi chép sớm nhất của các bộ phận sử cổ về Tết. Với ngày Tết được định hình, ít nhiều đã làm thay đổi hệ thống các lễ hội của người Việt: từ hội Thu, qua Đông, sang Xuân, vào mùa. Theo chúng tôi, nếu căn cứ vào nội dung lễ nghi và phong tục của ngày Tết, ta không chỉ thấy sự nhập thân một phần của hội Thu, hội Xuân, mà còn có cả bóng dáng của hội vào mùa nữa. Điều này hoàn toàn dễ hiểu khi mà ở người Việt thời kỳ này đã thực hiện việc thâm canh tăng vụ, ngay sau Tết là mở đầu thời kỳ gieo cấy vụ lúa chiêm. Ở một số địa phương cho tới gần đây vẫn còn giữ lại phong tục lấy nước lạnh đầu năm, giữ bát nước trên bàn thờ gia tiên trong ba ngày Tết, rồi những nghi thức xem thời tiết đêm giao thừa để đoán tính vụ gieo cấy sắp tới, tục lệ mục rục bàn thờ gia tiên, dòng họ, mang dâng dáp của tục tắm tượng Phật ở các dân tộc theo Phật giáo trong ngày Tết... đều là dấu vết của hội vào mùa.

Như vậy, Tết với tư cách là lễ hội lớn nhất, quan trọng nhất, mở đầu một năm của người Việt Nam, là sự chung đúc, cô đặc, nhập thân của nhiều hệ thống lễ hội nông nghiệp: từ hội Thu (kết thúc mùa gieo cấy, thu hoạch), qua hội Xuân đến hội vào mùa. Tất nhiên, trong quá trình định hình hội Tết ấy, ông cha chúng ta đã tiếp thu nhiều ảnh hưởng bên ngoài, từ Bắc xuống, từ tây sang. Chính những nhân tố nội sinh và ngoại sinh ấy đã tạo cho Tết Việt Nam một bản sắc, một cá tính, mà ngày nay chúng ta tiếp thu, kế thừa như một di sản văn hóa quý giá của cha ông.

4

Từ quan niệm như vậy về Tết Việt Nam, chúng ta có thể xem xét những tương đồng và khác biệt của nó với hệ thống lễ hội nói chung, cũng như Tết của các dân tộc

Anh em, các nước láng giềng, trước hết là với hệ thống lễ Tết của các nước Lào, Campuchia. Với các nước này, do ảnh hưởng đậm của Phật giáo Tiểu thừa, nên hệ thống lễ hội trong năm rất đa dạng và phức tạp, không có tháng nào không có lễ hội. Từ xưa, luật cổ nước Lạn Xạng (Lào) đã cố định hóa những nghi thức, lễ thói của từng lễ hội trong năm thành “Hịt xíp xông”, tức tục lệ của 12 ngày hội. Trong hệ thống lễ hội trong năm của các nước này, ngày Tết vẫn là ngày hội lớn nhất, như *Bun Pi May*, (của người Lào), *Chól Chnăm Thmây* (của Campuchia...).

Như ở Việt Nam, các nước láng giềng ta cũng có nhiều cách gọi khác nhau về ngày Tết của mình. Thí dụ, với người Lào gọi Tết là *Bun Pi May* (Hội năm mới), *Bun Họt Nậm* (Hội té nước), *Hội Tháng Nam...*, các nhà tu hành thì gọi là *Hội té nước Phật* (tắm Phật), trên báo chí thì thường gọi là *Cút xông can Pi may* (Năm cũ qua, năm mới đến). Giới tín đồ Campuchia gọi là *Chốt Chnăm Thmây* là *Tết Chịu tuổi*, *Hội Tắm Phật...* Tết của Lào, Campuchia, Thái Lan không tổ chức vào ngày tháng đầu năm theo lịch thường dùng (ít nhiều theo hệ thống lịch sử của Ấn Độ), mà lại tổ chức vào khoảng tháng tư, tháng năm (theo dương lịch), tức khoảng tháng năm sáu của Lào. Ở đây, rõ ràng là, để định vị trí thời gian của Tết, người Lào, Khome, Thái tuân theo chu kì của nông lịch, trùng hợp với lễ Vào Mùa gieo cấy. Do vậy, nếu căn cứ vào thời gian tiến hành Tết, cũng như tính chất của những nghi lễ, vui chơi ngày Tết, chúng ta có thể nghĩ rằng thực chất Tết của Lào, Campuchia, Thái Lan, Miến Điện không gì khác là Tết Vào Mùa, một hình thức cổ xưa cũ lễ nghi nông nghiệp.

Trong quan niệm của trí thức, và có thể cả trong dân gian Lào, cho rằng, vào thời kỳ tháng năm, sáu lịch Lào (tức khoảng tháng tư, năm dương lịch) là thời kỳ ngày bắt đầu dài hơn đêm, thời kỳ dương thịnh, con người, muôn loài tiến tới ánh dương, cũng tức là hướng tới vui tươi, may mắn⁽¹⁾. Đó không có gì khác biệt là quan niệm của cư dân nông nghiệp về chu trình thời vụ trong mối tương quan hữ cơ giữa âm và dương. Tuy trong các lễ nghi của ngày Tết này đã nhóm màu sắc Phật giáo, nhưng chúng ta còn thấy khá rõ tính chất của lễ hội nông nghiệp. Lễ tắm tượng Phật cử hành ở các chùa lớn quốc gia do vua tiến hành, cũng như các lễ tắm Phật ở mọi chùa, lễ rảy nước cho sư sãi, tục té nước trong dân chúng mọi nơi, thực chất là mang nguồn cội của lễ cầu mưa, cầu mong sự tái sinh, sự mới mẻ trở lại của con người, muôn loài sau mùa khô hạn kéo dài. Lễ đắp núi cát, phóng sinh các con vật, các lễ cúng ở chùa... ít nhiều mang màu sắc tôn giáo, nhưng thực chất vẫn là sự cầu mong các lực lượng siêu nhiên, ông bà tổ tiên phù hộ, mang tới cho con người mọi điều tốt lành trong mùa tới, năm tới. Đối với người Lào, Khome, Thái, Miến, tổ tiên đã nhập thân vào chùa, vào Phật, do vậy, cúng lễ ở chùa cũng là cúng lễ, tưởng nhớ tổ tiên.

Sau các hoạt động mang tính chất lễ nghi là các cuộc vui chơi, giải trí, với các hình thức múa, hát, hát đối đáp trai gái, các trò chơi hồn nhiên, hồn thực. Trong tâm tục người làm nông nghiệp, thì con người giao hòa vào tự nhiên, vào mối quan hệ âm dương, không chỉ là những hành động vui chơi, giải trí đơn thuần, mà còn là những hành động cần thiết góp phần mang lại phong đăng cho mùa màng năm tới. Sai những ngày lễ hội vui chơi thả sức ấy, người nông dân Lào, Khome chờ đến những trận mưa đầu mùa, lao vào công việc bận rộn đồng áng của nhà nông.

1. Phạm Trọng Nhân: *Tết Lào ở ... xứ Lào* – “Sứ Địa” số 5 – 1967.

Như vậy, cùng nằm trong một hệ thống lễ hội nông nghiệp chung với người Việt, trong những điều kiện kinh tế, xã hội và lịch sử khác, ở người Lào, Khome... *định hình truyền thống Tết ở thời điểm của lễ hội Vào Mùa*, mở đầu của chu trình nông nghiệp và mang khá đầy đủ tính chất của lễ hội này. Do vậy, không có gì lạ khi chúng ta tìm thấy những tương đồng về nghi thức, vui chơi giữa những lễ Vào Mùa Khome. Chẳng hạn, nghi thức té nước trong ngày Tết Lào, Khome với nghi thức té nước trong lễ hạ điền của người Việt. Người Khome chơi trò Trôi giết Hươu vào ngày Tết năm mới, đúng vào đầu mùa mưa, mùa làm ruộng, với ý nghĩa cầu mưa, giống như trong ngày Tết mưa đông của người Việt xưa, “tháng tư đi tậu trâu bò để giết tạ, sắm sửa cho mùa làm ruộng tháng năm”. Và trong hệ thống lễ hội của các nước bạn, các lễ hội thu mùa vẫn giữ nguyên với các nghi thức cúng lễ tạ thần linh, tổ tiên, các trò chơi thả diều, đua thuyền mừng mùa nước rút, làm lễ đưa hồn lúa về bịch, về kho...

Thế là, từ một cái nền chung, các dân tộc ở Đông Nam Á, trong đó có người Việt, người Lào, Khome... tùy từng hoàn cảnh và điều kiện kinh tế, xã hội, lịch sử riêng, đã định hình Tết trong hệ thống lễ hội nông nghiệp truyền thống theo kiểu riêng của mình, tạo nên tính đa dạng và phong phú của sắc thái Tết. Đó cũng là một biểu hiện của quy luật thống nhất và đa dạng của văn hóa.